

Số: /QĐ-UBND

Phú Yên, ngày tháng năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Phú Yên**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 3594/QĐ-BNN-VP ngày 20/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về ban hành Danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 215/TTr-SNN ngày 30/8/2021.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 11 thủ tục hành chính chuẩn hóa trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Quyết định số 1058/QĐ-UBND ngày 10/8/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Phú Yên hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và thành phố, Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Chánh, PCVP UBND tỉnh;
- Trung tâm Truyền thông;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, NC.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Hồ Thị Nguyễn Thảo**

**PHỤ LỤC**  
**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN THUỘC**  
**THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH PHÚ YÊN**

(Ban hành kèm theo Quyết định số:           /QĐ-UBND ngày   /9/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên)

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
<b>I. LĨNH VỰC KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, MÔI TRƯỜNG VÀ KHUYẾN NÔNG: 02 THC</b>						
1	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông (cấp xã)	60 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa của UBND cấp xã.	Không	Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính phủ.	Thực hiện theo Quyết định số 2519/QĐ-BNN-KHCN ngày 29/6/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT
2	Xác nhận Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích	03 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa của UBND cấp xã.	Không	- Luật Đa dạng sinh học số 20/2008/QH12 của Quốc hội - Nghị định số 59/2017/NĐ-CP ngày 12/5/2017 của Chính phủ	Thực hiện theo Quyết định số 3480/QĐ-BNN-KHCN ngày 01/9/2020 của Bộ Nông nghiệp và PTNT
<b>II. LĨNH VỰC PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI: 05 THC</b>						
1	Đăng ký kê khai số lượng chăn nuôi tập trung và nuôi trồng thủy sản ban đầu	07 ngày kể từ ngày nhận được kê khai.	Nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa của	Không	Nghị định số 02/2017/NĐ-CP ngày 19/01/2017 của Chính phủ	Thực hiện theo Quyết định số 3499/QĐ-BNN-PCTT ngày 11/9/2019 của Bộ
2	Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do dịch bệnh	15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo		Không		

<b>TT</b>	<b>Tên thủ tục hành chính</b>	<b>Thời hạn giải quyết</b>	<b>Cách thức thực hiện</b>	<b>Phí, lệ phí</b>	<b>Căn cứ pháp lý</b>	<b>Ghi chú</b>
3	Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai	quy định.	UBND cấp xã.	Không		Nông nghiệp và PTNT
4	Hỗ trợ khám chữa bệnh, trợ cấp tai nạn cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã trong trường hợp chưa tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội	25 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.		Không	Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021 của Chính phủ	Thực hiện theo Quyết định số 3461/QĐ-BNN-PCTT ngày 04/8/2021 của Bộ Nông nghiệp và PTNT
5	Trợ cấp tiền tuất, tai nạn (đối với trường hợp tai nạn suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên) cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã chưa tham gia bảo hiểm xã hội	30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa của UBND cấp xã.	Không	Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021 của Chính phủ	Thực hiện theo Quyết định số 3461/QĐ-BNN-PCTT ngày 04/8/2021 của Bộ Nông nghiệp và PTNT

### **III. LĨNH VỰC THỦY LỢI: 03 TTHC**

1	Hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (Đối với nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp, ngân sách địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương phân bổ dự toán cho UBND cấp xã thực hiện)	07 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa của UBND cấp xã.	Không	- Luật Thủy lợi số 08/2007/QH14 ngày 19/6/2017 - Nghị định số 77/2018/NĐ-CP ngày 16/5/2018 của Chính phủ.	Thực hiện theo Quyết định số 2525/QĐ-BNN-TCTL ngày 29/6/2028 của Bộ Nông nghiệp và PTNT
2	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã.	30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.		Không	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017. - Nghị định số	Thực hiện theo Quyết định số 4638/QĐ-BNN-TCTL ngày

<b>TT</b>	<b>Tên thủ tục hành chính</b>	<b>Thời hạn giải quyết</b>	<b>Cách thức thực hiện</b>	<b>Phí, lệ phí</b>	<b>Căn cứ pháp lý</b>	<b>Ghi chú</b>
3	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.		Không	114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ.	22/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT

#### **IV. LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT: 01 TTHC**

1	Chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được bản đăng ký chuyển đổi hợp lệ và phù hợp	Nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa của UBND cấp xã	Không	- Luật Trồng trọt năm 2018 số 31/2018/QH14 ngày 19/11/2018. - Nghị định số 94/2019/NĐ-CP ngày 13/12/2019 của Chính phủ. - Quyết định số 151/QĐ-BNN ngày 09/01/2020 của Bộ Nông nghiệp và PTNT	Thực hiện theo Quyết định số 151/QĐ-BNN ngày 09/01/2020 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
---	--	---	---	-------	---	---